

# Sơn Tùng và... Sơn Tùng

LS.Sơn Tùng  
(Nguyễn Minh Ngọc)

Một ngày vào cuối năm 2011, tôi nhận được điện thư của một người bạn nói rằng tôi từ chối “**Giải thưởng Hồ Chí Minh**” là phải!

Tôi vội vàng trả lời “Sơn Tùng ấy không phải là tôi”. Đó là một người trùng bút hiệu ở Việt Nam, một người lớn tuổi hơn tôi nhiều, và lập trường chính trị thì đối nghịch với nhau như nước với lửa. Ông ta theo cộng sản, phục vụ Đảng Cộng sản VN và là một nhà “Hồ Chí Minh học”, đã viết 14 cuốn sách ca tụng Hồ Chí Minh. Tôi chống cộng sản, coi Đảng Cộng sản VN và Hồ Chí Minh là thủ phạm đã gây ra bao tai ương, bất hạnh cho dân tộc Việt Nam từ giữa Thế kỷ 20 cho đến ngày nay.

Tôi chỉ biết được sự trùng bút hiệu này sau hơn hai mươi năm ôm cái nghiệp văn báo ở hải ngoại. Quá muộn để tìm một cái bút hiệu khác. Những ngày ở Việt Nam, tôi không biết có một người cộng sản viết văn với bút hiệu Sơn Tùng. Vượt biên thoát khỏi Việt Nam, định cư tại nước Mỹ, tôi càng không biết có người ở Việt Nam chuyên viết văn suy tôn “bác Hồ” ký là Sơn Tùng. Cho mãi tới đầu những năm 2000 tôi mới biết, một cách ngẫu nhiên, có sự trùng bút hiệu.

Một tình cờ oái oăm hay là một định mệnh?

Một Sơn Tùng đã từng cầm súng bắn vào bất cứ cái gì theo lệnh của Đảng Cộng sản VN rồi lại cầm bút viết bất cứ cái gì, cũng theo lệnh của “Đảng”.

**Còn đây là một Sơn Tùng chống cộng và không bao giờ cầm bút viết theo lệnh của bất cứ ai hay từ đâu đến, trừ con tim.**

Tôi cầm bút viết văn sớm nhưng không có ý định trở thành nhà văn. Có hai lý do. Một, nhà văn Việt Nam không đến nỗi “khổ như chó” như lời ông Nguyễn Vũ, nhưng quả thật là không sướng. Hai, nhà văn Việt Nam sống lặn độn về vật chất, mà về tinh thần cũng không được xã hội - thường tự hào là có bốn ngàn năm văn hiến – coi trọng.

Tôi viết văn từ hồi còn đi học và đã có bài đăng báo từ những năm đầu bậc trung học, nhưng chỉ thỉnh thoảng “viết chơi”, và đưa cho người bạn, Ký giả Tô Ngọc, để đăng vào Tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, nơi anh làm việc.

**Năm 1973, khi trở thành một luật sư và hành nghề tại văn phòng của LS Nguyễn Phụng Yêm ở Sài-gòn (đường Lê Lai, quận hai), bên cạnh văn phòng của Nhật báo Tiền Tuyến. Đây là văn phòng để liên lạc với độc giả và thân chủ quảng cáo bên ngoài, còn toà soạn thì ở đường Phan Đình Phùng, trong một căn cứ của quân đội. Đại tá Nguyễn Huy Hùng, chủ nhiệm tờ Tiền Tuyến, thỉnh thoảng tới văn phòng trên đường Lê Lai làm việc, vì vậy có cơ hội gặp nhau, chào hỏi. Một hôm gặp ông, trong lúc chuyện trò tôi nói tới một cuốn tiểu thuyết tôi viết mấy năm trước, khi còn làm công chức ở Đà Lạt, nội dung nói về thân phận người dân “một cỏ hai trùng” sống tại các đồn điền thiếu an ninh ở vùng cao nguyên trong cuộc chiến không giới tuyến đang ngày một trở nên khốc liệt. Ông Nguyễn Huy Hùng ngó ý muốn đọc bản thảo.**

Ông Hùng đọc và tỏ ra rất thích câu truyện. Là một sĩ quan Chiến tranh Chính trị cao cấp mà ông lại “mê” cuốn sách có vẻ “phản chiến” của tôi. Ông gọi đây là một “Thông điệp Hòa Bình” về chiến tranh Việt Nam, một cuốn sách sẽ cho thế giới thấy đâu là nguồn gốc thật sự của cuộc chiến đang xâu xé đất nước Việt Nam và khát vọng hoà bình của dân tộc Việt Nam. Ông nói sẽ cho đăng vào tờ Tiền Tuyến và sẽ kêu gọi các nhà làm phim để đưa câu truyện này lên màn ảnh. Ông nhận xét rằng cuốn phim này sẽ có thể gặp phải lưỡi kéo của kiểm duyệt để có thể chiếu ở

trong nước nhưng điều quan trọng hơn là nhắm vào khán giả các nước Tây phương, nơi đã bị tuyên truyền cộng sản và phong trào phản chiến đầu độc về cuộc chiến Việt Nam.

Năm 1975, “Thông điệp Hoà Bình” Bảy Thú Nhỏ đang dang dở dang trên tờ Tiền Tuyến và chuyện làm phim vẫn còn là ước mơ, xe tăng Liên-sô do lính Cộng sản miền Bắc lái đã ủi sập cổng Dinh Độc Lập ở Sài-gòn.

Tôi đã quyết định không theo làn sóng di tản khỏi Việt Nam trước ngày 30 tháng 4 vì vẫn còn tin tưởng quân đội VNCH sẽ giữ được phòng tuyến cuối cùng, và vì anh em, bạn bè vẫn còn cầm súng ngoài mặt trận. “Bỏ đi sao đành. Nếu mình có chết sẽ là một trong những người chết sau cùng của cuộc chiến kéo dài mấy thế hệ đã cướp đi sinh mạng hàng triệu người.” Tôi đã nói như vậy với LS Nguyễn Phụng Yêm khi ông gửi bà mẹ già cho tôi để đưa vợ con đi thoát vào ngày cuối cùng của miền Nam. Ông tin rằng cộng sản sẽ “bụp” ông nếu ông ở lại, vì đã có kinh nghiệm những gì đã xảy ra cho gia đình ông tại quê nhà ở Nghệ Tĩnh khi Việt Minh nắm chính quyền.

Sau ngày 30 tháng 4 tôi cũng không có ý định đi vượt biên. Vẫn cái tâm trạng muốn chia sẻ khổ đau với những người thân yêu và đồng bào trên quê hương, no đói có nhau. Và tôi sợ phải sống cuộc đời lưu vong trên xứ người.

Ở lại, tôi đã biết thế nào là cuộc sống của những con thú người bị tước đoạt tự do. Tôi đã hiểu thế nào là sự sợ hãi khi nhìn đâu cũng chỉ thấy dối trá và bạo lực. Đã gặp những kẻ được suy tụng là anh hùng chính là những đứa hèn nhát nhất và gian dối nhất trong xã hội cộng sản. Đã nhìn thấy bản mặt trơ trẽn của những kẻ phản bội trong xã hội miền Nam ngày trước mà tên tuổi của chúng không đáng viết ra đây vì chỉ phí mực và bản giấy. Tôi đã thấy những nhà văn bị lừa vào trại cải tạo trong khi những cuốn sách của họ, những công trình tim óc từng làm nên nền văn học miền Nam, “được” triển lãm trong cái gọi là “Phòng trưng bày tội ác Mỹ Ngụy” cùng với bom đạn, cần sa ma túy.

Sau mấy năm, tôi đã gần chết ngạt trong cái xã hội ấy. Tôi cần thở và cần phải nói và viết ra những gì tôi đã là nhân chứng trong cuộc sống không hơn cái chết như vậy.

Ngày 30.4.1982 tôi xuống tàu ra khơi trong đêm tối, để lại người vợ trẻ và đứa con trai mười sáu tuổi. Khi tôi mở cửa, con tôi khóc rống lên và gào to: “Ba đi kìa má!” Vợ tôi vội ôm con cố nén tiếng khóc: “Đừng la lớn, công an nghe được thì chết.”

Tôi vội bước nhanh ra cửa trong tâm trạng rối bời. Bỏ lại những người thân yêu để ra đi vào nơi vô định, không biết sống chết ra sao. Còn bị kịch nào lớn hơn? Còn quyết định nào liều lĩnh hơn?

Một năm trước, em gái út của tôi ra đi cùng với chồng vừa đi tù cải tạo về và đứa con trai năm tuổi cùng hai đứa cháu. Chiếc tàu đã mất tích trên biển khơi. Không ai tới bến nên không ai biết chuyện gì đã xảy ra.

Bây giờ tôi lại ra đi, một mình, vì không còn tiền để vợ con cùng đi. Sống cùng sống, chết cùng chết.

Tôi đã không chết cùng với chiếc tàu gỗ mong manh trên đại dương đầy sóng gió và hải tặc. Cảm nghĩ đầu tiên của tôi khi đặt chân lên bờ biển Malaysia là như một tên tù vừa thoát khỏi ngục tối. Tôi hít bầu không khí tự do vào đầy phổi và biết ngay sẽ phải làm gì.

Vừa tới đảo Bidong, tôi đã viết truyện ngắn “Con đường lá me” và gửi sang Mỹ cho tờ Văn Nghệ Tiền Phong mà tôi lấy địa chỉ toà soạn trong phòng đọc sách của trại tị nạn. Truyện này sau đó được Giải Truyện Ngắn của VNTP (1983) và là một trong mười hai truyện của cuốn “Trùng Phạt” xuất bản năm 1990 mà Học giả Phạm Kim Vinh nhận định: “Đó là thân phận người Việt ở trong và ngoài nước sau năm 1975... Tập truyện chan chứa tình người Việt và khí phách Việt”.

Tập truyện ngắn “Vết Thương” xuất bản năm 1992 được xem như nối tiếp những truyện trong cuốn “Trùng Phạt”.

Cuốn truyện dài “Bầy Thú Nhỏ”, bị ngắt quãng dở dang trên Nhật báo Tiền Tuyến vì ngày 30.4.1975, được xuất bản năm 1994 tại Virginia do công của vợ tôi ngồi chép tay toàn bộ bản thảo và gửi dần theo những lá thư sang Mỹ cho chồng trước khi cũng lại cùng con xuống tàu vượt biên năm 1989. Cuốn truyện này được Bà Nguyễn Thị Thu Cúc dịch ra Đức ngữ xuất bản năm 1996 dưới tựa đề “Schar Kleiner Tiere”.

Cuốn truyện dài thứ hai, “Lửa Hoà Bình”, xuất bản năm 2004, tiếp tục viết về thân phận những người ở lại Việt Nam sau ngày được gọi là “hoà bình”.

Với bốn cuốn sách và hàng trăm, có thể hàng ngàn, bài báo, phần lớn đăng trong mục “Chuyện Người, Chuyện Ta” trên Tạp chí Làng Văn xuất bản ở Toronto, Canada, và trên Tạp chí Thế giới Ngày Nay xuất bản tại Wichita, Kansas, tôi đã cố gắng nói lên những sự thật mà tôi đã “không được nói” khi còn ở Việt Nam, và nói thay cho những người “không nói được” vì họ đã phải mang theo sự thật xuống đáy mồ, ở Việt Nam hay ở hải ngoại.

Những chương trong cuốn sách này cũng là những sự thật đã “không được nói hay không nói được” mà tôi đã là người trong cuộc do liên hệ đến cái nghiệp văn báo. Những sự việc và những người được nói tới trong cuốn sách này chỉ vì đó là những sự thật mà nhiều người muốn biết và cần được biết. Những gì chỉ liên quan đến cá nhân hay không đáng nói ra đã được lược bỏ.

Người vợ mà tôi yêu thương từ ngày còn đi học đã già từ trần thể được tám năm. Tôi đang ở tuổi giữa bảy mươi và tám mươi, nhưng chưa cảm thấy già và chưa muốn rửa tay gác bút.

Tôi nghĩ một người dù bao nhiêu tuổi vẫn chưa thể gọi là “già” một khi sức khoẻ còn tốt, tinh thần còn minh mẫn, để vui hưởng đời sống và đóng góp vào sự làm đẹp cho đời sống.

Riêng phần mình, tôi còn một ước mơ là được sống lại cái cảm giác mà tôi đã trải qua khi đạp chân trên Công Trường Đỏ ở Mạc-tư-khoa năm 1993, hai năm sau khi Đế quốc Đỏ Sô-viét sụp đổ. Tôi muốn sống lại cảm giác ấy ở Hà-nội hay Sài-gòn.

Để khép lại cuốn sách này, tôi muốn trở lại với Nhà văn Sơn Tùng cộng sản ở Việt Nam. Mặc dù ở hai chiến tuyến đối nghịch, tôi không cảm thấy thù ghét ông ta. Ông ta có quyền lựa chọn con đường của mình và đã chọn đứng vào hàng ngũ cộng sản. Tôi đã chọn tự do vì tự nghĩ người cầm bút không cần phải đứng vào hàng ngũ.

Sức mạnh của người cầm bút là Tự do chứ không phải hàng ngũ. Cứu cánh của người cầm bút là Chân lý chứ không phải bạo lực.

Tôi tin rằng một ngày không xa, Sơn Tùng cộng sản sẽ phải chối bỏ những đứa con tinh thần quái thai của ông ta, trước khi chúng nằm yên trong đồng rác của lịch sử.

Khi ấy mọi sự thật sẽ được phơi bày. Trên đất nước Việt Nam sẽ không còn sợ hãi. Không còn bạo lực. Và không còn thù hận.

Chỉ còn Yêu thương trong Mùa Xuân Hồi sinh của Dân tộc.

**Sơn Tùng**  
**(Nguyễn Minh Ngọc)**  
**Virginia, Tháng Chín 2013**